

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Hùng Kiệt**.
2. Bà **Hà Ngân Kim Tới**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Qual** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiên Thức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Sóc K**, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp B, xã C, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Tăng Thành Vân**, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp B, xã C, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị Sóc K trình bày:

Vào năm 1996, bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V quen biết và hai gia đình đã tổ chức lễ cưới nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu sau khi cưới, bà K ông V chung sống rất hạnh phúc. Nhưng hiện nay không còn được như trước nữa. Nguyên nhân là do ông V thường xuyên đi ra ngoài không về, thường xuyên bỏ bê vợ con. Nhận thấy cuộc sống không còn hợp nhau nên bà Lý Thị Sóc K quyết định giải thoát cho nhau.

Thời gian chung sống, bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V có ba người con chung: Tăng Hoàng D, sinh ngày 27/4/1998; Tăng Minh T, sinh ngày 02/3/2002.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay Bà Lý Thị Sóc K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Lý Thị Sóc K yêu cầu ly hôn với ông Tăng Thành V.
- Về con chung: Các con chung đã thành niên, bà Lý Thị Sóc K không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà Lý Thị Sóc K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông Tăng Thành V.
- Về nợ chung: Bà Lý Thị Sóc K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Lý Thị Sóc K đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lý Thị Sóc K (bản photo);
- + Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Lý C (bản sao photo);
- + Giấy khai sinh mang tên Tăng Minh T, sinh ngày 02/3/2002 và bản sao Giấy khai sinh mang tên Tăng Hoàng D, sinh ngày 27/4/1998;

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lý Thị Sóc K vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà Lý Thị Sóc K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Tăng Thành V, các vấn đề khác không yêu cầu. Bị đơn ông Tăng Thành V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống giữa nguyên đơn bà Lý Thị Sóc K với bị đơn ông Tăng Thành V là vợ chồng. Về con chung các đương sự xác định đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Các vấn đề về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều xác định không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/3/2021, bà Lý Thị Sóc K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tăng Thành V có nơi cư trú tại số nhà A, ấp B, xã C, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Lý Thị Sóc K vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà ông Tăng Thành V

vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị Sóc K:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V sống chung từ năm 1996, 1997 đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 quy định “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*” thì thấy rằng bà Lý Thị Sóc K, ông Tăng Thành V cùng sinh năm 1974 đến thời điểm năm 1996 là đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định hiện hành.

[3.2] Mặc dù bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V vào thời điểm năm 1996, 1997 và cho đến nay đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”.

[3.3] Căn cứ vào điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: “...c) *Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng;...*”.

[3.4] Theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 quy định: “...2. *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này. ...*”. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V.

[4] Về quan hệ con chung: Theo lời trình bày của bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V đều thừa nhận có hai người con chung là: Tăng Hoàng D, sinh ngày 27/4/1998; Tăng Minh T, sinh ngày 02/3/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên, phát triển bình thường, không dị tật, có khả năng tự làm nuôi sống bản thân. Bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Sóc K xác định không có tài sản chung cũng như không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa

án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Lý Thị Sóc K chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Tăng Thành V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V có quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa nguyên đơn bà Lý Thị Sóc K với bị đơn ông Tăng Thành V là vợ chồng.

2/ Về con chung: Các con chung của bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V là: Tăng Hoàng D, sinh ngày 27/4/1998; Tăng Minh T, sinh ngày 02/3/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên, phát triển bình thường, không dị tật, có khả năng tự làm nuôi sống bản thân. Bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Lý Thị Sóc K xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lý Thị Sóc K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Sóc K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005927, ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà Lý Thị Sóc K đã thực hiện xong). Ông Tăng Thành V không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Bà Lý Thị Sóc K và ông Tăng Thành V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc